

Số: 61 /2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục

BỘ CÔNG THƯƠNG	
ĐẾN	Số:.....
	Ngày:.....
Chuyên:.....	

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Quy định tại Quy chế này thay thế những quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục ban hành kèm theo Quyết định số 14/2005/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Các quy định trước đây trái với các quy định tại Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các trường đại học tư thục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí Thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPBCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). x1 290



Nguyễn Thiện Nhân

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2009/QĐ-TTg
ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc tổ chức quản lý và hoạt động của trường đại học tư thục bao gồm: tổ chức và nhân sự; giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học; hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế; tài chính; tài sản; thanh tra, kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Trường đại học tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước hoạt động theo Quy chế này và Điều lệ trường đại học, các quy định của pháp luật.

Điều 2. Vị trí của trường đại học tư thục

1. Trường đại học tư thục có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại các ngân hàng, Kho bạc Nhà nước.

2. Trường đại học tư thục có địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, nghĩa vụ và quyền lợi như các trường đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Góp vốn” là việc đưa tài sản vào nhà trường để trở thành chủ sở hữu của nhà trường. Tài sản góp vốn có thể bằng đồng Việt Nam (VNĐ), vàng, ngoại tệ, giá trị quyền sử dụng đất (đất), giá trị quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác được ghi trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Tổng giá trị các tài sản do các cá nhân đóng góp được quy đổi thành VNĐ theo thời giá quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm góp vốn tạo thành vốn của trường.

2. “Chủ sở hữu chung” là chủ sở hữu số tài sản chung hợp nhất của các tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn và số tài sản gia tăng trong quá trình hoạt động của trường,

3. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị số vốn góp bằng đồng Việt Nam của tất cả các thành viên góp vốn, được ghi vào Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Trong quá trình hoạt động vốn điều lệ có thể được gia tăng do nhu cầu xây dựng và phát triển nhà trường.

4. “Phần vốn góp” là tỷ lệ tính bằng % (phần trăm) của phần vốn mà từng chủ sở hữu đóng góp so với vốn điều lệ.

5. “Phần vốn có quyền biểu quyết” là phần vốn góp, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định. Phần vốn có quyền biểu quyết của trường đại học tư thục do Đại hội đồng cổ đông quy định.

6. “Thành viên sáng lập” là người tham gia trực tiếp đề xuất, chuẩn bị thành lập trường ngay từ thời gian đầu thành lập; tham gia xây dựng và thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động đầu tiên của nhà trường và có số vốn góp đáp ứng quy định của trường.

7. “Cổ phần” là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần gọi là “cổ phần”.

8. “Cổ đông” là người sở hữu ít nhất một cổ phần. Cổ đông có thể là tổ chức hoặc cá nhân. Cổ đông sở hữu phần vốn có quyền biểu quyết gọi là cổ đông có quyền biểu quyết. Cổ đông chưa đủ phần vốn có quyền biểu quyết gọi là cổ đông phổ thông.

9. “Giảng viên và cán bộ cơ hữu”: giảng viên cơ hữu và cán bộ cơ hữu của trường đại học tư thục là những người có hợp đồng làm việc dài hạn (từ 1 năm trở lên) tại trường, không thuộc biên chế nhà nước, không đang làm việc theo các hợp đồng dài hạn tại các trường khác hay các cơ quan, tổ chức khác; do nhà trường trả lương và chịu trách nhiệm chi trả về các chế độ bảo hiểm, chính sách khác đối với người lao động theo quy định của Nhà nước; có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật đối với cán bộ biên chế tại trường đại học.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với trường đại học tư thục

Trường đại học tư thục chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) nơi trường đặt trụ sở.

Điều 5. Tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể

Tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập và hoạt động trong trường đại học tư thục theo Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động trong trường đại học tư thục theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường đại học tự thực

Nhiệm vụ và quyền hạn của trường đại học tự thực thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định pháp luật khác.

Trường đại học tự thực không được cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mượn danh nghĩa của trường để tiến hành các hoạt động bất hợp pháp, không đúng với tôn chỉ mục đích hoạt động của nhà trường. Trường đại học tự thực chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm pháp luật của trường.

Điều 7. Thành lập, đình chỉ, sáp nhập, chia, tách, giải thể

Việc thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học tự thực thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện và thủ tục thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường đại học.

Việc thành lập trường đại học tự thực phải có ít nhất từ 3 thành viên (tổ chức hoặc cá nhân) tham gia góp vốn điều lệ, trong đó mỗi thành viên chỉ được tham gia góp vốn điều lệ ở không quá 2 trường đại học, cao đẳng tự thực và mức vốn góp tại mỗi trường tối đa là 51% so với vốn điều lệ của trường đó.

Chương II TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức

Trường đại học tự thực có cơ cấu tổ chức bảo đảm các yêu cầu về cơ cấu tổ chức quy định trong Điều lệ trường đại học và phù hợp với điều kiện, quy mô đào tạo trong từng giai đoạn phát triển của trường.

Cơ cấu tổ chức của trường đại học tự thực bao gồm:

1. Hội đồng Quản trị.
2. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng.
3. Ban Kiểm soát.
4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo.
5. Các phòng (ban) chuyên môn.
6. Các khoa và bộ môn trực thuộc trường.
7. Các bộ môn trực thuộc khoa.
8. Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở phục vụ đào tạo, dịch vụ, chuyển giao công nghệ và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc trường.
9. Tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể.

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và cổ đông phổ thông, trong đó cổ đông phổ thông không có quyền biểu quyết nhưng có quyền tham gia ý kiến trong các cuộc họp.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

a) Xác định mục tiêu, phương hướng xây dựng và phát triển trường; kế hoạch thực hiện hàng năm, từng giai đoạn; việc mở rộng, thay đổi, điều chỉnh ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo, định hướng hoạt động khoa học và công nghệ gắn với chiến lược phát triển của trường;

b) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của trường; giải quyết các yêu cầu về việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị.

c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của trường;

d) Thông qua quy định về vốn có quyền biểu quyết và các quy định nội bộ khác của trường như về tiêu chuẩn lựa chọn Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hiệu trưởng;

đ) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động của trường.

3. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp thường niên bắt buộc mỗi năm một lần hoặc họp đột xuất theo quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc theo yêu cầu của cổ đông sở hữu trên 30% số cổ phần.

Trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì Ban Kiểm soát được quyền triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, đồng thời thông báo cho Hội đồng Quản trị biết.

Mọi chi phí cho việc triệu tập và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được tính trong kinh phí hoạt động của nhà trường.

Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện theo hình thức gửi giấy mời họp kèm theo dự kiến chương trình, nội dung cuộc họp và các tài liệu liên quan đến tất cả cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông trước ít nhất là 7 ngày so với ngày họp.

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được coi là tiến hành hợp lệ khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tham gia dự họp. Tỷ lệ cụ thể do Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định nhưng không thấp hơn tỷ lệ này.

5. Nội dung các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi bằng biên bản và được thông qua ngay tại cuộc họp, có chữ ký của người chủ trì và thư ký cuộc họp để lưu trữ. Việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được coi là có giá trị hiệu lực khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Tỷ lệ cụ thể do Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định.

Điều 10. Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý và là tổ chức đại diện duy nhất cho quyền sở hữu của trường đại học tư thục; chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và có quyền quyết định những vấn đề về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, quy hoạch, kế hoạch và phương hướng đầu tư phát triển của trường phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông của trường đại học tư thục bầu và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận. Hội đồng Quản trị có từ 3 đến 11 thành viên gồm Chủ tịch Hội đồng; Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu cần thiết) và các thành viên. Hội đồng Quản trị phải có phải có ít nhất là 2/3 số thành viên có trình độ đại học trở lên.

Thành viên Hội đồng Quản trị của trường đại học tư thục phải là những người đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân có số lượng cổ phần đóng góp ở mức cần thiết theo đúng quy định của trường đó.

Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm tính từ ngày có quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đầu tiên của trường được thành lập trên cơ sở đề cử nhân sự của các thành viên sáng lập trường và bầu theo nguyên tắc bỏ phiếu kín. Từ nhiệm kỳ thứ hai, việc thành lập Hội đồng Quản trị bắt buộc phải được thực hiện theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng Quản trị họp thường kỳ ba tháng một lần. Việc tổ chức họp Hội đồng bất thường do Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định, nhưng phải được ít nhất 1/3 số thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết công khai trước cuộc họp. Nghị quyết của Hội đồng Quản trị xây dựng theo nguyên tắc: mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết và mọi quyết định chỉ có hiệu lực khi được quá nửa số thành viên Hội đồng Quản trị nhất trí. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

5. Việc bổ sung, thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo hình thức bỏ phiếu kín.

Trường hợp số thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ khi số thành viên của Hội đồng Quản trị giảm quá quy định nêu trên Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

a) Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm pháp luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhất là trong công tác tuyển sinh, đào tạo và quản lý, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Bị chết hoặc bị hạn chế năng lực, hành vi dân sự;

- Tự nguyện từ chức;

- Không đủ sức khoẻ để thực hiện các công việc đang đảm nhiệm;

- Các trường hợp khác do Quy chế tổ chức và hoạt động của trường quy định.

b) Bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Cá nhân đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Vi phạm Quy chế tổ chức và hoạt động của trường một cách nghiêm trọng bị Đại hội đồng cổ đông đề nghị bãi miễn.

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường để thông qua Đại hội đồng cổ đông; kiến nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của trường khi cần thiết hoặc kiến nghị việc bổ sung, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Hội đồng Quản trị.

2. Xây dựng định hướng chiến lược phát triển và chỉ đạo tổ chức, hoạt động của trường để trình Đại hội đồng cổ đông tại các kỳ họp. Xây dựng và ban hành các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu, chi tài chính của trường phù hợp với quy định của pháp luật và chế độ quản lý tài chính.

3. Thực hiện nghiêm túc các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông. Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng trường, phê duyệt dự toán, quyết toán tài chính hàng năm và giám sát việc quản lý sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường.

4. Bầu Hiệu trưởng của trường và trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, ra quyết định công nhận. Quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng theo đề cử của Hiệu trưởng và Đại hội đồng cổ đông.

5. Phê duyệt việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các Phó Hiệu trưởng; đề xuất với cấp có thẩm quyền miễn nhiệm Hiệu trưởng, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định.

6. Phê duyệt phương án chung về tổ chức bộ máy, biên chế và những vấn đề liên quan đến tổ chức, nhân sự của trường trên cơ sở đề xuất của Hiệu trưởng.

7. Xác định những nguyên tắc cơ bản giải quyết công việc liên quan đến công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dịch vụ, xây dựng cơ sở vật chất, đối ngoại của nhà trường hàng năm và từng giai đoạn.

8. Giám sát công tác lãnh đạo, điều hành của Hiệu trưởng và Ban Giám hiệu nhằm bảo đảm cho mọi hoạt động của trường được triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; tuân thủ các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

9. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp thường kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

Điều 12. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của trường đại học tư thục gồm những người đại diện cho các tổ chức cổ đông hoặc cá nhân có số lượng cổ phần đáp ứng theo quy định của trường; do Đại hội đồng cổ đông bầu, có số lượng từ 3 đến 5 thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông của trường bầu trực tiếp.

Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát các hoạt động của nhà trường và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của trường về báo cáo và hoạt động của mình.

2. Thành viên của Ban Kiểm soát phải là người có quốc tịch Việt Nam; không là thành viên Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng (hoặc Trưởng Phòng Tài vụ); cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của thành viên Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng, Kế toán trưởng của trường.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị.

Điều 13. Quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Giám sát, kiểm tra các hoạt động của nhà trường; của Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng, Ban Giám hiệu và các tổ chức, đơn vị trong trường.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong việc quản lý điều hành hoạt động của trường và việc ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính.
3. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của trường; kiểm tra cụ thể các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của trường.
4. Định kỳ thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của mình và nội dung các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi chính thức thông qua Đại hội đồng cổ đông.
5. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả giám sát các hoạt động của nhà trường tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.
7. Được quyền kiến nghị về những vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của trường với các cơ quan quản lý có thẩm quyền; được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng và các cán bộ quản lý khác của trường cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết liên quan trong quá trình thực thi các nhiệm vụ được giao.
8. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mọi hoạt động của Ban Kiểm soát phải không gây sự cản trở, làm gián đoạn đến các hoạt động của Hội đồng Quản trị và nhà trường.

Điều 14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người đứng đầu của Hội đồng Quản trị; do Hội đồng Quản trị bầu và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ít nhất phải có bằng đại học trở lên.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể được kiêm nhiệm giữ chức Hiệu trưởng, nhưng phải có đủ các tiêu chuẩn theo quy định đối với nhà giáo và Hiệu trưởng trường đại học.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ trì chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng Quản trị. Có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cho cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị; là người chịu trách nhiệm chính về các quyết nghị và việc thực hiện các quyết nghị của Hội đồng Quản trị;

b) Ký trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận Hiệu trưởng của trường. Phê duyệt quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng của trường trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị và ý kiến thông qua của Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp cần thiết, được quyền ký quyết định cử Hiệu trưởng tạm quyền điều hành hoạt động của nhà trường trong thời gian không quá 01 tháng để tiến hành việc cử Hiệu trưởng theo quy định;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường để hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị và ký các văn bản, quyết định của Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt trong thời gian nhất định theo quy định của trường đại học tư thục thì phải ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có) hoặc cho một trong số các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị đảm nhận trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị trong thời gian đi vắng. Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản và được thông báo công khai, đồng thời báo cáo các cơ quan quản lý giáo dục và địa phương có thẩm quyền quản lý. Thời gian ủy quyền là không quá 6 tháng và không được áp dụng việc ủy quyền hai lần liên tiếp.

Trường đại học tư thục được áp dụng chế độ cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Việc bầu và công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị được thực hiện theo nguyên tắc như bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Thời gian công nhận Quyền Chủ tịch Hội đồng Quản trị là không quá 6 tháng, kể từ ngày ban hành quyết định công nhận và không được áp dụng thực hiện hai lần công nhận liên tiếp đối với một cá nhân.

Điều 15. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng trường đại học tư thục phải là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục đối với nhà giáo; có chức danh từ Phó Giáo sư hoặc học vị Tiến sĩ trở lên, đã có ít nhất 5 năm tham gia quản lý giáo dục đại học từ cấp Trường bộ môn, phòng hoặc ban trở lên, có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn; có uy tín đối với trường; có sức khỏe đảm nhận nhiệm vụ được giao và không là công chức, viên chức trong biên chế nhà nước.

2. Hiệu trưởng trường đại học tư thục do Hội đồng Quản trị bầu đề cử theo nguyên tắc bỏ phiếu kín với quá nửa số phiếu tán thành; được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận theo quy định.

Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị.

3. Hiệu trưởng trường đại học tư thục là người đại diện cho trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm điều hành các hoạt động của trường và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình đối với các vấn đề liên quan đến trường trước Hội đồng Quản trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo và pháp luật.

4. Ngoài ra, Hiệu trưởng trường đại học tư thục còn có quyền hạn và trách nhiệm cụ thể sau:

a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

b) Dự kiến tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự của trường trình Hội đồng Quản trị phê duyệt. Phê duyệt Quyết định tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ giảng viên, công nhân viên và người học theo quy định của pháp luật sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua;

c) Tổ chức triển khai việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, hoạt động đào tạo, khoa học - công nghệ và các hoạt động khác của trường theo quy định, bảo đảm chất lượng, đúng quy định của pháp luật và kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt nhằm mục tiêu phát triển nhà trường;

d) Tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính và tài sản của trường theo các quy định của pháp luật;

đ) Lập dự toán và quyết toán tài chính hàng năm, trình Hội đồng Quản trị phê duyệt. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo quy định của trường. Định kỳ báo cáo Hội đồng Quản trị và các cấp quản lý liên quan về công tác tài chính và hoạt động của nhà trường;

e) Thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công, bảo hiểm, học phí, khen thưởng, kỷ luật giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học của trường;

g) Thực hiện các quy định của pháp luật về tuyển sinh, tổ chức quản lý đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng chứng chỉ; ban hành các nội quy, quy định nội bộ nhằm thực hiện việc điều hành các hoạt động của trường;

h) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế theo quy định;

i) Tổ chức thực hiện việc bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn trong nhà trường;

k) Đề cử các Phó Hiệu trưởng để Hội đồng Quản trị xem xét, bổ nhiệm;

1) Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động đào tạo của trường theo quy định và có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân về các quyết định của Hội đồng Quản trị để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 16. Phó Hiệu trưởng

1. Các Phó Hiệu trưởng trường đại học tư thục phải là người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học đối với nhà giáo; có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có sức khỏe. Các Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu trưởng. Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học phải có tiêu chuẩn chức danh, học vị như đối với Hiệu trưởng; được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ra quyết định bổ nhiệm sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín với đa số tán thành.

2. Phó Hiệu trưởng có những quyền và trách nhiệm sau:

a) Giúp Hiệu trưởng quản lý điều hành các hoạt động của trường, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;

b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hiệu trưởng về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng cùng với nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Điều 17. Hội đồng Khoa học và Đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường đại học tư thục bao gồm: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, các trưởng khoa, một số trưởng phòng, đại diện các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, giảng viên chính của trường, một số nhà khoa học, cán bộ quản lý giáo dục và đại diện của một số tổ chức kinh tế - xã hội ngoài trường có sự quan tâm và am hiểu về giáo dục đại học.

2. Hội đồng Khoa học và Đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng và do Hiệu trưởng làm Chủ tịch. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo là tổ chức tư vấn cho Hiệu trưởng về:

a) Quy hoạch và chiến lược phát triển nhà trường; mục tiêu, chương trình đào tạo; kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về đào tạo, khoa học và công nghệ;

b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên cơ hữu của trường;

c) Hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học.

4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo họp ít nhất 6 tháng một lần và các cuộc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

5. Các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung hoạt động của Hội đồng. Kết luận của các phiên họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường phải được thông báo công khai đến các khoa và bộ môn trong trường.

6. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Điều 18. Các phòng (ban), khoa, bộ môn

Chức năng, nhiệm vụ của các phòng (ban), khoa hoặc bộ môn trực thuộc của trường đại học tư thục như các trường đại học công lập. Tùy thuộc vào quy mô đào tạo, nhiệm vụ của trường, Hiệu trưởng đề xuất với Hội đồng Quản trị về cơ cấu tổ chức của các phòng (ban), khoa, bộ môn, bảo đảm thực hiện tốt các hoạt động của trường.

Trường, Phó các phòng (ban), khoa, bộ môn do Hiệu trưởng đề cử, Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm.

Điều 19. Các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở phục vụ đào tạo và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong trường đại học tư thục

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ trong trường đại học tư thục gồm: các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo Luật Khoa học và Công nghệ và thực hiện các nhiệm vụ đã được quy định trong Điều lệ trường đại học.

2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong trường đại học tư thục được thành lập gắn với nhiệm vụ đào tạo của trường và hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Các cơ sở phục vụ đào tạo khác:

a) Trường đại học tư thục có Trung tâm thông tin tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Trung tâm thông tin tư liệu có trách nhiệm quản lý, bổ sung và cung cấp các nguồn thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực hoạt động của trường; thu thập và bảo quản sách, tạp chí, băng, đĩa, các luận án đã bảo vệ tại trường, các ấn phẩm của trường và các tài liệu lưu trữ khác; hướng dẫn và quản lý công tác quyền sở hữu trí tuệ của trường. Trung tâm thông tin tư liệu hoạt động theo Quy chế do Hiệu trưởng ban hành và các quy định của Nhà nước;

b) Trường đại học tư thục còn có các đơn vị phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, phù hợp với điều kiện phát triển của trường.

Chương III

GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN VÀ NGƯỜI HỌC

Điều 20. Giảng viên

1. Giảng viên trường đại học tư thục phải có đủ các tiêu chuẩn quy định về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và sức khoẻ theo quy định của Điều lệ trường đại học và tại điểm e khoản 1 Điều 77 và Điều 79 của Luật Giáo dục. Giảng viên trường đại học tư thục có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74 và 75 của Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2. Giảng viên cơ hữu của trường đại học tư thục được tuyển dụng theo quy định của pháp luật; được hưởng chế độ tiền công, tiền lương, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được hưởng quyền lợi theo tỷ lệ vốn góp và có quyền tham gia các hoạt động của các tổ chức xã hội và đoàn thể theo quy định của pháp luật.

3. Những giảng viên đang trong biên chế nhà nước chuyển sang làm cán bộ, giảng viên, nhân viên cơ hữu của trường đại học tư thục thì thời gian làm việc tại cơ quan cũ được cộng với thời gian làm việc tại trường đại học tư thục để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, trường đại học tư thục có trách nhiệm tiếp tục nộp bảo hiểm xã hội cho giảng viên theo quy định của Nhà nước.

4. Giảng viên trường đại học tư thục phải nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện đầy đủ các quy định của Điều lệ trường đại học, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định do nhà trường ban hành.

5. Giảng viên cơ hữu của các trường đại học tư thục có đủ các tiêu chuẩn theo quy định được xét phong tặng các danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Nhà giáo nhân dân, chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.

6. Giảng viên thỉnh giảng của trường đại học tư thục được hưởng quyền và nghĩa vụ như quy định đối với giảng viên thỉnh giảng tại các trường đại học công lập.

Điều 21. Cán bộ, nhân viên

1. Cán bộ, nhân viên cơ hữu của trường đại học tư thục được hưởng chế độ tiền công, tiền lương theo kết quả hoạt động của trường, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được hưởng quyền lợi theo tỷ lệ vốn góp và nghỉ các ngày lễ, tết hưởng nguyên chế độ theo quy định của pháp luật. Có quyền tham gia các tổ chức chính trị, xã hội và đoàn thể theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, nhân viên được tuyển dụng làm việc ngắn hạn phù hợp với quy định của pháp luật được hưởng lương theo chế độ do nhà trường quy định, bảo đảm theo mức lương tối thiểu do nhà nước quy định; được trường đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và được trường bảo đảm các chế độ khác theo quy định của pháp luật trong thời gian làm việc tại trường.

3. Cán bộ, nhân viên trường đại học tư thục phải nghiêm chỉnh chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các quy định của Điều lệ trường đại học, các quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Quy chế tổ chức hoạt động của trường và các quy định khác do nhà trường ban hành.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền của người học

Người học trong trường đại học tư thục thực hiện các nhiệm vụ và quyền được quy định tại Luật Giáo dục và Điều lệ trường đại học.

Chương IV HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỢP TÁC QUỐC TẾ

Điều 23. Hoạt động đào tạo

Trường đại học tư thục tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập, thực hiện việc tuyển sinh; quản lý quá trình đào tạo, đánh giá quá trình dạy và học, cấp văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo quy định của Điều lệ trường đại học

Điều 24. Hoạt động khoa học và công nghệ

Trường đại học tư thục xây dựng và thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, các dịch vụ tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực ngành nghề đào tạo của trường; thành lập các trung tâm nghiên cứu và phát triển; tổ chức quản lý hệ thống thông tin tư liệu; phát hành các ấn phẩm khoa học, tài liệu phục vụ cho các hoạt động đào tạo theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và Điều lệ trường đại học.

Điều 25. Hợp tác quốc tế

Trường đại học tư thục thực hiện các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế theo quy định của Điều lệ trường đại học.

Chương V **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN**

Điều 26. Chế độ tài chính

1. Trường đại học tự thực hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện góp vốn, tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, thống kê, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác liên quan.

2. Trường đại học tự thực được vay vốn của các tổ chức tín dụng để đầu tư mở rộng cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và sản xuất cung ứng dịch vụ.

3. Trường đại học tự thực được nhà nước cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ do nhà nước đặt hàng.

Điều 27. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính của trường đại học tự thực gồm :

1. Vốn góp của các cổ đông và nguồn tài chính bổ sung từ kết quả hoạt động hàng năm của nhà trường.

2. Các nguồn tài chính khác gồm:

a) Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật;

b) Thu từ các hoạt động liên kết hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và các hoạt động lao động sản xuất, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

c) Lãi tiền gửi tại ngân hàng, Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng;

d) Các khoản đầu tư, tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng (bằng tiền, bằng hiện vật) của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước;

đ) Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, cá nhân;

e) Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 28. Nội dung chi

1. Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động; các khoản chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường.

2. Các khoản chi cho người học, học bổng, khen thưởng.

3. Chi cho các hoạt động văn hoá, thể dục thể thao.
4. Chi cho hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, dạy nghề, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng công nghệ, phục vụ giảng dạy học tập.
5. Chi quản lý hành chính.
6. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất; chi trả tiền thuê, mượn cơ sở vật chất, mua sắm tài sản, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất, tài sản, trang thiết bị đồ dùng dạy học.
7. Trích khấu hao tài sản cố định.
8. Chi trả vốn vay và lãi vốn vay.
9. Chi cho các hoạt động nhân đạo, từ thiện.
10. Các khoản chi khác theo quy định của trường (theo quy chế chi tiêu nội bộ), không trái với quy định của pháp luật.

Điều 29. Quản lý tài chính và tài sản

1. Tài chính và tài sản của trường đại học tự thực được hình thành từ các nguồn thu theo quy định tại Điều 26 Quy chế này. Chế độ chi tiêu tài chính và sử dụng tài sản phải được Hội đồng Quản trị của trường quy định cụ thể, minh bạch.
2. Trường đại học tự thực có trách nhiệm báo cáo hoạt động tài chính hàng năm cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính liên quan ở địa phương.
3. Dự toán và quyết toán hàng năm của trường do Hiệu trưởng trình, Hội đồng Quản trị phê chuẩn và phải báo cáo công khai tại cuộc họp (hay hội nghị) Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
4. Định kỳ hàng năm, các tài sản của trường phải được kiểm kê đánh giá lại giá trị và kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trường đại học có thể tự quy định tỷ lệ khấu hao nhanh các tài sản cố định để thu hồi vốn nhưng không vượt quá mức trích khấu hao tối đa theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp. Trường đại học tự thực phải xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để làm cơ sở pháp lý điều hành tài chính của trường.
5. Tài sản của trường đại học tự thực bao gồm:
 - a) Tài sản do các tổ chức và các cá nhân đầu tư, góp vốn;
 - b) Tài sản tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường;
 - c) Tài sản do hiến, tặng, cho, tài trợ;
 - d) Học phí, lệ phí thu từ người học theo quy định của pháp luật.

6. Quyền sở hữu tài sản

Tài sản của các trường đại học tư thục được hình thành từ vốn góp của các cổ đông thuộc sở hữu tư nhân của tổ chức, cá nhân góp vốn theo số lượng cổ phần. Tài sản do biếu, tặng cho, tài trợ hoặc tăng thêm nhờ kết quả hoạt động của trường thuộc sở hữu chung của trường đại học tư thục. Tài sản thuộc sở hữu tư nhân hoặc sở hữu chung được nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ công khai tài chính và chấp hành công tác kiểm tra tài chính theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Ban Kiểm soát. Nghiêm chỉnh chấp hành việc kiểm tra của cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật về việc sử dụng kinh phí và tình hình tăng, giảm tài sản, nguồn vốn của trường.

Điều 30. Thu nhập và sử dụng thu nhập

Tổng thu nhập sau khi đã trừ các khoản chi phí cần thiết cho hoạt động của nhà trường quy định tại Điều 28 Quy chế này, số còn lại được sử dụng như sau:

1. Thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, đóng góp các khoản thuế theo quy định hiện hành.
2. Trích lập quỹ đầu tư phát triển nhà trường và các quỹ khác theo quyết nghị của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
3. Phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn sau khi đã sử dụng chi phí theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.
4. Mức chi trả thu nhập cho người lao động và chia lãi cho các thành viên góp vốn do Hội đồng Quản trị quyết định trên cơ sở quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 31. Chuyển nhượng quyền sở hữu và rút vốn

Việc chuyển quyền sở hữu và rút vốn phải bảo đảm sự phát triển và ổn định của nhà trường.

1. Các cổ đông góp vốn xây dựng trường có quyền chuyển nhượng, rút vốn một phần hoặc toàn bộ số vốn góp theo quy định do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc quy định cụ thể việc chuyển nhượng quyền sở hữu và rút vốn của trường được dựa trên Luật Doanh nghiệp. Trường đại học tư thục chủ động xây dựng quy chế tài chính của trường thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi Chủ tịch Hội đồng Quản trị phê duyệt.

2. Cổ đông có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo các quy định sau đây:

a) Cổ đông muốn chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp trước hết phải chuyển nhượng phần vốn đó cho các cổ đông còn lại theo giá thoả thuận tại thời điểm chuyển nhượng;

b) Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông của trường nếu các cổ đông của trường không mua hoặc mua không hết.

3. Trong trường hợp nhà trường bị giải thể, việc xử lý về tài chính, tài sản được áp dụng theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

Chương VI **THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG** **VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 32. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường đại học tư thục có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc tự kiểm tra các hoạt động của trường theo các quy định hiện hành.

2. Trường đại học tư thục chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật pháp.

Điều 33. Khen thưởng

Tập thể, cá nhân (lãnh đạo, giảng viên, cán bộ, nhân viên) của trường đại học tư thục có thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và người học có thành tích xuất sắc trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Xử lý vi phạm

Trong trường hợp trường đại học tư thục có hành vi vi phạm pháp luật, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không bảo đảm các điều kiện đào tạo, vi phạm các quy định khác liên quan đến môi trường, uy tín của ngành, trường và địa phương... thì tùy mức độ vi phạm, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định đối với của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục:

1. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện, khắc phục và xử lý các vi phạm.

2. Xử phạt hành chính, ra quyết định huỷ bỏ việc công nhận Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng trong trường hợp cần thiết và kiến nghị với các cơ quan pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với những vi phạm vượt quá thẩm quyền.

3. Quyết định việc tạm ngừng tuyển sinh đào tạo có thời hạn hoặc không có thời hạn để chờ xử lý.

4. Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ việc tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể trường đại học tư thục./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân